TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05/8/2025
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đậu Thị Tường V, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Chu Ngọc D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Nay là thôn M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Đậu Thị Tường V1 trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà và ông Chu Ngọc D có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, sau này thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thời gian chung sống bà và ông D có 06 con chung tên Chu Ngọc H, sinh năm 1992, Chu Thị Tuyết H1, sinh năm 1996, Chu Ngọc Hoàng P, sinh năm 1998, Chu Thị Trà M, sinh năm 2000, Chu Thị Họa M1, sinh năm 2003, Chu Đậu Thành T, sinh năm 2006.

Nay bà xác định tình yêu thương giữa bà và ông Chu Ngọc D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Chu Ngọc D; Về con chung: Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao

động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Chu Ngọc D trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Tường V thì ông đồng ý ly hôn với bà Đậu Thị Tường V; Về con chung: Do con chung đã đủ tuổi trưởng thành, do đó không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

*/ Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật

*/ Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đậu Thị Tường V, bà Đậu Thị Tường V được ly hôn với ông Chu Ngọc S.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Bà Đậu Thị Tường V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn ông Chu Ngọc D có địa chỉ tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn M, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), do đó việc Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đậu Thị Tường V và ông Chu Ngọc D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Đậu Thị Tường V và ông Chu Ngọc D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đậu Thị Tường V và ông Chu Ngọc D có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không bị ai sắp đặt hay ép buộc, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, cách suy nghĩ, cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Quá trình chung sống giữa ông D, bà V có 06 con chung tên Chu Ngọc H, sinh năm 1992, Chu Thị Tuyết H1, sinh năm 1996, Chu Ngọc Hoàng P, sinh năm 1998, Chu Thị Trà M, sinh năm 2000, Chu Thị Họa M1, sinh năm 2003, Chu Đậu Thành T, sinh năm 2006 (Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động)

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Thị Tường V.

- Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án bà V, ông D đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, không muốn về đoàn tụ gia đình, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đậu Thị Tường V đối với ông Chu Ngọc D.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

[3.2] Về án phí: Bà Đậu Thị Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đậu Thị Tường V.

1. Về hôn nhân: Bà Đậu Thị Tường V được ly hôn với ông Chu Ngọc D.

2. Về Con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đậu Thị Tường V phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006443, ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THA dân sự khu vực 8 – THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng;
- Những người tham gia tố tụng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng

- Lưu HS, VP.